| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số 30/2019/KDTM - PT
Ngày: 25 - 11 - 2019
V/v "*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Đình Quảng.

*Các Thẩm phán:* Ông Cao Văn Hiếu.

Ông Vũ Việt Dũng.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLPT - KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2019 về "*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2019/KDTM - ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐ- PT ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Du lịch S.

Địa chỉ: Đường D, phường M, quận S1, thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Công ty Luật TNHH MTV T1, địa chỉ: Đường A, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy ủy quyền lập ngày 05/11/2019 của ông Lưu Vĩ T, chức vụ: Giám đốc - người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Du lịch S.

Công ty Luật TNHH MTV T1 do ông Lê Hoàng C là người đại diện theo pháp luật, chỉ định ông Lê Hoàng C và bà Đặng Thị Kiều O tham gia tố tụng theo

Văn bản lập ngày 08/11/2019. Bà O có mặt. Ông C tham gia phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

*2. Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Q

Địa chỉ: Lô D+E Khu dân cư A1 mở rộng, phường M, quận S1, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn B, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Khách sạn B1, số F đường H, phường M, quận S1, thành phố Đà Nẵng (Lô D+E Khu dân cư A1 mở rộng phường M, quận S1, thành phố Đà Nẵng).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L; địa chỉ: Công ty Luật TNHH MTV B2; Đường V, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 2011/UQ-HH lập ngày 20/11/2019). Ông L có mặt.

*3. Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Du lịch S, là nguyên đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Q (sau đây viết tắt là Công ty Q) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Du lịch S (sau đây viết tắt là Công ty S) thuê phòng tại Khách sạn B1, số F đường H, phường M, quận S1, thành phố Đà Nẵng (Lô D+E Khu dân cư A1 mở rộng, phường M, quận S1, thành phố Đà Nẵng), theo Hợp đồng lưu trú dài hạn số 01QA ngày 29/3/2018, với các nội dung chính:

- Thuê 20 phòng Twin tại Khách sạn B1 với thời hạn thuê: 01 năm (từ ngày 06/4/2018 đến ngày 05/4/2019); giá thuê: 300.000.000 đồng/tháng; tiền đặt cọc 02 tháng là 600.000.000 đồng.

- Tiền thuê được thanh toán trong vòng 07 (bảy) ngày đầu tiên của tháng.

- Trường hợp thanh toán chậm so với thời gian quy định, bên thuê phải trả cho bên cho thuê tiền lãi bằng 0,027% cho mỗi ngày chậm thanh toán trên tổng số tiền chậm thanh toán. Nếu chậm thanh toán vượt quá 10 ngày thì bên cho thuê có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

- Điều kiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn: Nếu bên thuê muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, phải thông báo trước cho bên cho thuê bằng văn bản ít nhất 01 tháng và thời hạn thuê phải đạt tối thiểu là ½ (tương đương với 06 tháng). Trong trường hợp này, bên cho thuê sẽ hoàn trả lại cho bên thuê tiền đặt cọc và tiền thuê phòng còn thừa của bên thuê (nếu có).

Thực hiện hợp đồng, Công ty S đã chuyển cho Công ty Q số tiền 2.700.000.000 đồng, trong đó tiền đặt cọc là 600.000.000 đồng và tiền thuê phòng lưu trú từ ngày 06/4/2018 đến ngày 05/11/2018 là 2.100.000.000 đồng.

Ngày 12/10/2018, Công ty S gửi đến Công ty Q thông báo về việc Công ty S sẽ chấm dứt hợp đồng vào ngày 11/11/2018, yêu cầu Công ty Q hoàn trả lại toàn bộ tiền đặt cọc và tiền thuê phòng còn thừa cho Công ty S vào ngày 11/11/2018 và tiến hành thanh lý hợp đồng lưu trú hai bên đã ký kết. Sau ngày 11/11/2018, hai bên có liên lạc, trao đổi qua email và văn bản về việc thanh lý hợp đồng nhưng không đạt được thỏa thuận.

Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Q phải hoàn trả tiền đặt cọc 600.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền đặt cọc (tính từ ngày 12/11/2018 đến ngày 10/9/2019 là 299 ngày) với số tiền 49.150.684 đồng. Tổng cộng là 649.150.684 đồng.

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Q không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn với lý do:

Trong 07 tháng thực hiện hợp đồng, Công ty S liên tục có hành vi chậm thanh toán tiền thuê hàng tháng, không trả lãi chậm thanh toán; khách của Công ty S liên tục có hành vi vi phạm nội quy khách sạn. Việc Công ty S phát hành Thông báo ngày 12/10/2018 về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn chỉ là hành vi pháp lý đơn phương, Công ty Q không đồng ý chấm dứt hợp đồng khi Công ty S chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền thuê còn nợ (bao gồm tiền thuê hàng tháng và tiền lãi chậm trả) theo hợp đồng. Với những vi phạm của Công ty S về nghĩa vụ thanh toán và hậu quả của việc chậm thanh toán đã được quy định tại các Điều 4, 6 và 8 của Hợp đồng, Công ty Q không chấp nhận trả lại tiền cọc và các khoản lãi phát sinh cho Công ty S theo yêu cầu khởi kiện.

Công ty Q có Đơn phản tố yêu cầu Tòa án buộc Công ty S phải trả số tiền 65.265.000đ, gồm các khoản sau:

1. Tiền lãi chậm trả các kỳ được quy định tại Điều 4.5 của Hợp đồng:

- Kỳ thanh toán 5/2018: Bên thuê chậm thanh toán 01 ngày, lãi suất chậm thanh toán (300.000.000 đồng × 0,027% × 01 ngày): 81.000 đồng.

- Kỳ thanh toán 7/2018: Bên thuê chậm thanh toán 02 ngày, lãi suất chậm thanh toán (300.000.000 đồng × 0.027% × 02 ngày): 162.000 đồng.

- Kỳ thanh toán 10/2018: Bên thuê chậm thanh toán 02 ngày, lãi suất chậm thanh toán (300.000.000 đồng × 0.027% × 02 ngày): 162.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi chậm trả của các kỳ thanh toán tháng 5, tháng 7 và tháng 10/2018 là 405.000 đồng.

2. Nghĩa vụ thanh toán tiền thuê 06 ngày sử dụng trong tháng 11/2018 (từ ngày 06/11/2018 đến ngày 11/11/2018) và lãi chậm thanh toán.

Số tiền chưa thanh toán là [(300.000.000/30 ngày) × 6 ngày] = 60.000.000 đồng.

Tiền lãi chậm trả 06 ngày của tháng 11/2018, tính từ ngày 08/11/2018 đến ngày 10/9/2019 (tổng cộng là 300 ngày) là [(60.000.000 đồng × 0.027%) × 300 ngày] = 4.860.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty Q, Công ty S có ý kiến:

Công ty S đồng ý thanh toán tiền thuê phòng 06 ngày trong tháng 11/2018 (từ ngày 06/11/2018 đến ngày 11/11/2018) và tiền lãi chậm trả 04 ngày (từ ngày 08/11/2018 đến ngày 11/11/2018), tổng cộng là 60.064.800 đồng. Nhưng không chấp nhận thanh toán tiền lãi từ ngày 12/11/2018 trở đi với lý do: Công ty S đã gửi thông báo chấm dứt hợp đồng trước thời hạn đến Công ty Q đúng quy định tại điểm 8.2 Điều 8 Hợp đồng, nêu rõ hợp đồng sẽ chấm dứt vào ngày 11/11/2018. Do đó, thời hạn kết thúc hợp đồng chính thức là ngày 11/11/2018. Trong khi S nhiều lần yêu cầu Công ty Q thanh lý hợp đồng để hai bên quyết toán nghĩa vụ với nhau nhưng Công ty Q không thực hiện. Như vậy, do Công ty Q từ chối tiếp nhận nghĩa vụ nên phải chịu mọi rủi ro và chi phí kể từ ngày chậm tiếp nhận nghĩa vụ từ Công ty S nên không có cơ sở tính lãi đối với Công ty S sau ngày 11/11/2018.

Công ty S cũng không đồng ý thanh toán tiền lãi chậm trả của các kỳ thanh toán tháng 5, tháng 7 và tháng 10/2018 là 405.000 đồng. Vì các đợt thanh toán của các ký trước đó đã được thực hiện xong, nếu Công ty S có thanh toán chậm 1, 2 ngày thì cũng được sự đồng ý từ Công ty Q. Do đó, Công ty Q không có cơ sở để yêu cầu Công ty S thực hiện việc thanh toán lại tiền lãi đối với các khoản mà các bên đã hoàn thành.

*Với nội dung vụ án như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và quyết định:*

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 11, 74, 85, 87 và 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ khoản 1, 3 và 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Thương mại và Du lịch S đối với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Q về việc buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Q phải hoàn trả tiền đặt cọc là 600.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền đặt cọc tạm tính từ ngày

12/11/2018 đến ngày 10/9/2019 (tổng cộng là 299 ngày) là 49.150.684 đồng. Tổng cộng là 649.150.684 đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Q về việc buộc Công ty TNHH MTV Thương mại và Du lịch S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Q số tiền 65.265.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về tiền lãi chậm thi hành án, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/9/2019, đại diện hợp pháp của nguyên đơn có Đơn kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc Công ty Q phải trả cho Công ty S tổng số tiền tạm tính đến thời điểm ngày 10/9/2019 là 649.150.684 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của nguyên đơn Công ty S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo. Đại diện của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

*Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về yêu cầu hoàn trả tiền đặt cọc và lãi chậm thanh toán của Công ty S: Công ty S thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn là đúng thỏa thuận tại khoản 8.2 Điều 8 Hợp đồng lưu trú và Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015. Công ty Q phải hoàn trả tiền đặt cọc và chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm. Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty S về thanh toán tiền cọc và lãi suất trả chậm.

Về yêu cầu phản tố của Công ty Q: Thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng của Công ty Q diễn ra sau khi Công ty S có thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng ngày 12/10/2018 và người ký không có thẩm quyền nên thông báo này không có giá trị pháp lý. Bản án sơ thẩm căn cứ khoản 6.4 của Hợp đồng để nhận định Công ty S phải thanh toán chi phí (thực chất là tiền lưu trú) trước khi thanh lý hợp đồng là không có cơ sở, vì tiền thuê phòng lưu trú không phải là chi phí khác theo quy định tại Điều 3, Điều 4 hợp đồng này quy định về giá thuê và các chi phí khác. Theo đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, bác yêu cầu khởi kiện về đòi tiền cọc và tiền lãi chậm thanh toán của nguyên đơn là không có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty S, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận định:

**Về thủ tục tố tụng:**

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Thương mại và Du lịch S do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo thuộc phạm vi ủy quyền, trong thời hạn kháng cáo và đảm bảo nội dung, hình thức theo quy định của Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình xét xử phúc thẩm, Công ty S có văn bản yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ để xác định thời điểm hai công ty ký kết Hợp đồng lưu trú dài hạn số 01QA ngày 29/3/2018 Công ty Q có phải là chủ sở hữu hợp pháp và có đăng ký kinh doanh (cho thuê) hợp pháp đối với Khách sạn B1 không và bà Trần Thị Vân C1 có thẩm quyền ký kết hợp đồng hay không.

Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo yêu cầu của đương sự. Kết quả cho thấy: Công ty Q, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401545… do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 12/7/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/02/2015, có đăng ký kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch. Công ty có thông báo về việc kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch đối với Khách sạn B1, địa chỉ: Lô D+E Khu dân cư A1 mở rộng (số F đường H), phường M, quận S1, thành phố Đà Nẵng tại Thông báo ngày 04/6/2014, Thông báo ngày 01/3/2018 gửi Sở Du lịch thành phố Đà Nẵng. Như vậy, Công ty Q có quyền cung cấp dịch vụ lưu trú theo Hợp đồng đã ký.

Bà Trần Thị Vân C1 là Phó Giám đốc Công ty Q, được Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Phan Văn B ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 01/3/2018, trong đó có nội dung: *"Bên nhận ủy quyền đại diện cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Q ký kết hợp đồng kinh tế; hợp đồng mua sắm trang thiết bị; hợp đồng sửa chữa, hợp đồng lưu trú, hợp đồng cho thuê phòng nghỉ và các giao dịch khác có liên quan theo phạm vi ngành nghề đã được đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Q".* Như vậy, bà Trần Thị Vân C1 có đầy đủ thẩm quyền ký kết Hợp đồng lưu trú dài hạn số 01QA theo quy định pháp luật.

**Về áp dụng pháp luật nội dung:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Theo thỏa thuận tại mục 8.2 Điều 8 của Hợp đồng lưu trú dài hạn số 01QA ngày 29/3/2018 thì *"Nếu bên B* (Công ty S) *muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, phải thông báo trước cho bên A* (Công ty Q) *bằng văn bản ít nhất là 01 tháng và thời hạn thuê/cho thuê phải đạt tối thiểu là ½ (tương đương với 06 tháng). Trong trường hợp này, bên A sẽ hoàn trả lại cho bên B tiền đặt cọc và tiền thuê/cho thuê phòng còn thừa của bên B (nếu có).*

*Nếu bên B chấm dứt hợp đồng mà không tuân thủ quy định nói trên, bên B mất tiền đặt cọc".*

Hợp đồng được ký kết ngày 29/3/2018, thời hạn thuê 01 năm từ ngày 06/4/2018. Ngày 12/10/2018, Công ty S gửi đến Công ty Q thông báo về việc Công ty S sẽ chấm dứt hợp đồng vào ngày 11/11/2018; đến ngày 09/11/2018 Công ty S đã trả toàn bộ phòng thuê và rời khỏi Khách sạn B1 (BL 123). Như vậy, Công ty S chấm dứt hợp đồng thỏa mãn điều kiện quy định mục 8.2 Điều 8 của Hợp đồng nên Công ty Q phải chấp nhận và các bên cần tiến hành các bước để thanh lý hợp đồng như thỏa thuận. Thực tế, sau khi tiếp nhận thông tin về việc chấm dứt hợp đồng, ngày 12, ngày 13 tháng 10/2018 bà Trần Thị Vân C1 là Phó Giám đốc Công ty Q có thư điện tử, nhắn tin trả lời, trao đổi với Công ty S về lý do chấm dứt hợp đồng (BL 119, 120); về việc thu xếp để thanh lý hợp đồng (BL 115, 116).

Như vậy, việc chấm dứt hợp đồng của Công ty S là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 428 Bộ luật Dân sự. Do vậy Công ty Q có nghĩa vụ phải trả lại tiền đặt cọc cho Công ty S.

[2] Xét ý kiến của bị đơn cho rằng Công ty S vi phạm thời hạn thanh toán nên không trả lại tiền đặt cọc. Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi Công ty S thông báo chấm dứt hợp đồng, ngày 12/12/2018 Công ty Q có Thông báo đòi nợ, yêu cầu Công ty S thanh toán 60.000.000 đồng tiền thuê phòng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 11/11/2018 đến ngày 15/12/2018 là 567.000 đồng. Thông báo có nội dung: "*theo điều 4.5 của hợp đồng này, thời hạn thanh toán đã vượt quá 10 ngày nên chúng tôi có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và không hoàn trả lại tiền cọc cho bên B do quý công ty đã vi phạm điều khoản 4.3, 4.4 của hợp đồng đã ký".*

Xét thấy, việc thông báo chấm dứt hợp đồng và yêu cầu không hoàn trả tiền đặt cọc của Công ty Q là không có căn cứ. Bởi lẽ: Mục 8.1 Điều 8 Hợp đồng quy định các trường hợp đương nhiên chấm dứt hợp đồng, trong đó điểm d quy định: *Chậm thanh toán theo quy định tại Điều 4. Trong trường hợp này bên A sẽ không hoàn trả lại tiền đặt cọc.* Mục 4.3 Điều 4 Hợp đồng quy định: *Bên B thanh toán tiền thuê phòng hàng tháng là 300.000.000 đồng. Tiền thuê phòng được thanh*

*toán trong vòng 07 ngày đầu tiên của tháng*. Mục 4.5 Điều 4 quy định: *Trong trường hợp thanh toán chậm so với thời gian quy định nói trên, bên B phải thanh toán cho bên A tiền lãi bằng 0,027% cho mỗi ngày chậm thanh toán trên tổng số tiền chậm thanh toán. Nếu chậm thanh toán vượt quá 10 ngày bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng*.

Theo các thỏa thuận nêu trên, thì Công ty Q có quyền chấm dứt hợp đồng nếu Công ty S chậm thanh toán vượt quá 10 ngày. Công ty S có chậm thanh toán: tháng 5/2018 chậm 01 ngày, tháng 7/2018 chậm 02 ngày, tháng 10/2018 chậm 02 ngày. Tuy nhiên, việc chậm thanh toán này chưa vượt quá 10 ngày theo thỏa thuận trong hợp đồng nên không làm phát sinh quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng của Công ty Q, do đó Công ty S không phải mất tiền đặt cọc.

Công ty Q thông báo đòi nợ và chấm dứt hợp đồng sau 02 tháng kể từ ngày Công ty S thông báo chấm dứt hợp đồng. Thông báo do bà Võ Thị Y - Kế toán trưởng Công ty Q ký ban hành mà không có ủy quyền bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật của Công ty Q. Như vậy, việc chấm dứt hợp đồng và không hoàn trả tiền đặt cọc của Công ty Q là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất Công ty S yêu cầu Công ty Q thanh toán đối với khoản tiền đặt cọc:

Khoản 3 Điều 428 Bộ luật Dân sự quy định: *"Khi hợp đồng bị đơn phương chấm dứt thực hiện thì hợp đồng chấm dứt kể từ thời điểm bên kia nhận được thông báo chấm dứt"*. Công ty S thông báo chấm dứt hợp đồng vào ngày 11/11/2018, Công ty Q đã nhận được thông báo, do vậy, có căn cứ xác định hợp đồng được chấm dứt vào ngày 11/11/2018, sau ngày này Công ty Q phải chịu lãi suất về việc chậm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả lại tiền đặt cọc theo mức lãi suất quy đinh tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự. Công ty S yêu cầu áp dụng mức lãi suất 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là có căn cứ. Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án tính lãi suất từ ngày 12/11/2018 đến ngày xét xử phúc thẩm là 375 ngày, với số tiền là 61.643.835 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hoàn trả tiền đặt cọc và tiền lãi của Công ty S với lý do bên thuê chậm thanh toán tiền thuê phòng là không đúng. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cần chấp nhận kháng cáo của Công ty S, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Q phải trả cho Công ty S số tiền tổng cộng là 661.643.835 đồng, trong đó hoàn trả tiền đặt cọc 600.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử phúc thẩm là 61.643.835 đồng.

[5] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn thì thấy:

Đối với yêu cầu Công ty S phải trả 60.000.000 đồng tiền thuê phòng 06 ngày trong tháng 11/2018, Công ty S đã thống nhất và đồng ý trả lãi chậm trả 04 ngày từ ngày 08/11/2018 đến ngày 11/11/2018.

Công ty S không đồng ý trả tiền lãi chậm trả từ ngày 12/11/2018 đến ngày 10/9/2019 vì cho rằng Công ty đã thông báo chấm dứt hợp đồng và Công ty Q không tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi chấm dứt hợp đồng, Công ty S phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Q tiền thuê phòng 06 ngày trong tháng 11/2018. Trường hợp Công ty S đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng Công ty Q không tiếp nhận thì mới được coi là chậm tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 355 Bộ luật Dân sự. Đến nay, Công ty S chưa thanh toán khoản tiền này mặc dù Công ty Q có yêu cầu, do đó, cần buộc Công ty S trả lãi chậm trả từ ngày 08/11/2018 như cấp sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tính lãi đến ngày mở phiên tòa 10/9/2019 (300 ngày) là chưa đúng, mà cần tính đến ngày tuyên án sơ thẩm 16/9/2019 là 306 ngày, theo mức lãi suất thỏa thuận 0,027%/ngày, với số tiền là 4.957.200 đồng.

Công ty S không đồng ý trả lãi chậm thanh toán các kỳ tháng 5, tháng 7 và tháng 10/2018 với lý do việc thanh toán đã được thực hiện xong, Công ty Q không có yêu cầu vào thời điểm chậm thực hiện nghĩa vụ. Xét thấy, các bên đã thỏa thuận chậm thanh toán thì phải chịu lãi suất, trước đó Công ty Q không yêu cầu, nay các bên chấm dứt hợp đồng, Công ty Q yêu cầu bên chậm trả phải trả lãi theo thỏa thuận là có căn cứ, cần chấp nhận số tiền lãi chậm thanh toán các kỳ tháng 5, tháng 7 và tháng 10/2018 là 405.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên lãi chậm thi hành án về khoản tiền này theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là chưa đúng với hướng dẫn tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, cần tính lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận 0,027%/ngày từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu phản tố của bị đơn là có cơ sở, cần chấp nhận, buộc Công ty S phải trả cho Công ty Q 65.362.200 đồng.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa, đồng thời chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ.

[7] Về án phí

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do được chấp nhận kháng cáo nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 85, 87 và 306 Luật Thương mại;
- Điều 357, Điều 428 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận Đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Thương mại và Du lịch S.

Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Thương mại và Du lịch S đối với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Q.

Buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Q phải trả cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Du lịch S số tiền là 661.643.835 *(sáu trăm sáu mươi mốt triệu, sáu trăm bốn mươi ba ngàn, tám trăm ba mươi lăm đồng),* trong đó hoàn trả tiền đặt cọc là 600.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền đặt cọc là 61.643.835 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**2.** Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Q đối với Công ty TNHH MTV Thương mại và Du lịch S.

Buộc Công ty TNHH MTV Thương mại và Du lịch S phải trả cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Q số tiền 65.362.200 đồng *(sáu mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi hai ngàn, hai trăm đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 0,027%/ngày.

**3.** Về án phí kinh doanh thương mại:

a. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH MTV Thương mại và Du lịch S phải chịu án phí sơ thẩm là 3.268.110 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.322.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà theo Biên lai số 0007699 ngày 26/3/2019. Hoàn trả Công ty TNHH MTV Thương mại và Du lịch S số tiền còn lại là 11.053.890 đồng *(mười một triệu, không trăm năm mươi ba ngàn, tám trăn chín mươi đồng)*.

- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Q phải chịu án phí sơ thẩm là 30.465.753 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.595.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà theo Biên lai số 0007832 ngày 20/5/2019. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Q còn phải tiếp tục nộp số tiền là 28.870.753 đồng *(hai mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi ngàn, bảy trăm năm mươi ba đồng)*.

b. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH MTV Thương mại và Du lịch S không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Du lịch S số tiền tạm ứng án phí 2.000.000đ đã nộp tại Biên lai thu số 0008112 ngày 16/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

**4**. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tổ NV - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đình Quảng**